

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 - 2022

Về việc Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thúy D; Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện T, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Xuân P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Q; nơi đăng ký tạm trú: Thôn M, xã Q, huyện T, thành phố H; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thúy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Xuân P kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa P và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tĩnh Phong, huyện T, tỉnh Q vào năm 2014, sau khi cưới vợ chồng về quê anh P một thời gian ngắn thì vì điều kiện cuộc sống, công việc nên hai vợ chồng đã về sinh sống tại thôn M, xã Q, huyện T, thành phố H và đăng ký tạm trú từ năm 2017 đến nay. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa

thuận hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2019 đến nay vợ chồng luôn nảy sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau do mâu thuẫn căng thẳng nên anh P đã bỏ việc về quê từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân thỉnh thoảng hai bên gặp nhau cho thăm con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải Nều lần nhưng không có kết quả để giải phóng cho nhau chị D đề nghị Tòa án xem xét nhanh chóng giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Xuân P.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Đỗ Xuân P có 02 con chung tên Đỗ Xuân H, sinh ngày 28/01/2013 và Đỗ H Yến N, sinh ngày 02/5/2016 kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị D nuôi con tên N anh P nuôi con chung tên H. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng vẫn giữ nguyên việc nuôi con chung giữa chúng tôi như hiện nay.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh P tự thỏa thuận giao nhận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Đỗ Xuân P không có tài sản chung và cũng không có vay nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Xuân P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có bản tự khai trình bày gửi đến Tòa án với nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề cuộc sống do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2019 anh P cùng con trai tên H đã chuyển về sinh sống tại xã T, huyện T, tỉnh Q từ đó. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh P khẳng định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên anh P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị D trình bày là đúng, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh P trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Xuân H. Chị D trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ H Yến N. Khi ly hôn để ổn định cuộc sống, học tập của các con anh P đề nghị Tòa án giải quyết để anh và chị D tiếp tục nuôi con chung như hiện nay.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị D tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị D không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về Nệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề xuất như sau: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thúy D được ly hôn anh Đỗ Xuân P; Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Xuân H, sinh ngày 28/01/2013, cho anh Đỗ Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con chung tên Đỗ H Yến N, sinh ngày 02/5/2016, cho chị Đỗ Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Chị D và anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này; Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thúy D pH nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Bị đơn là anh Đỗ Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Nguyên đơn chị Đỗ Thúy D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn với anh Đỗ Xuân P. Bị đơn anh Đỗ Xuân P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Q; nơi đăng ký tạm trú: Thôn M, xã Q, huyện T, có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện T giải quyết yêu cầu xin ly hôn. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b, khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] Về quan hệ hôn nhân

Xét, chị D và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2014, quyển số 01, ngày 17 tháng 02 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thể hiện: Chị D và anh P chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, trong làm ăn kinh tế. Do mâu thuẫn nên vợ chồng căng thẳng nên đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm nhau từ năm 2020. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P, bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa song đã có quan điểm trình bày xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị D và anh P là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung

Lời khai của đương sự cùng tài liệu, chứng cứ thể hiện quá trình chung sống chị D và anh P có 02 con chung tên Đỗ Xuân H, sinh ngày 28/01/2013 và Đỗ H Yến N, sinh ngày 02/5/2016, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị D nuôi con chung tên Đỗ H Yến N, anh P nuôi con chung tên Đỗ Xuân H. Khi ly hôn để ổn định tâm lý cũng như học tập của các con chị D và anh P đều có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung như hiện nay, mặt khác con chung tên N có nguyện vọng được sống cùng mẹ, con chung tên H có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố. Hội đồng xét xử, xét việc nuôi con chung của chị D và anh P đã ổn định, do vậy cần tiếp tục giao con chung tên Đỗ H Yến N cho chị Đỗ Thúy D và giao con chung tên Đỗ Xuân H cho anh Đỗ Xuân P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh P đều thống nhất trình bày để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thúy D và anh Đỗ Xuân P đều thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Đỗ Thúy D pH nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thúy D được ly hôn anh Đỗ Xuân P.
2. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ H Yến N, sinh ngày 02/5/2016 cho chị Đỗ Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung tên Đỗ Xuân H, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Đỗ Xuân P tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thúy D và anh Đỗ Xuân P đều thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thúy D pH nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008081, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Q, h. T;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Q (Giấy chứng nhận KH: số 13, quyển số 01, ngày 17/02/2014);
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

